



Volkswagen Golf



HUYỀN THOẠI GOLF – Dòng xe Hot Hatch hiệu năng cao đến từ thương hiệu Volkswagen.

Được nhập khẩu nguyên chiếc từ nhà máy Đức. Golf định vị ở phân khúc hoàn toàn mới “hot hatch” – nơi hiệu năng giao thoa tính thực dụng, vừa mang lại cảm giác thể thao đầy phấn khích vừa đáp ứng tính tiện ích khi cầm lái.

Golf ưu ái dành cho các tín đồ đam mê thể thao trong từng vòng tua máy nhưng lại không quá phô trương, hầm hố như một chiếc xe đua, nên hoàn toàn phù hợp để lái xe mỗi ngày. Golf dành cho những ai yêu cảm giác tự cầm lái.

Bởi Golf lịch lãm, tinh tế từ thiết kế ấn tượng và tiện nghi vượt bậc, tạo nên 1 huyền thoại hơn 50 năm qua trong lòng người hâm mộ trên toàn cầu, minh chứng doanh số hơn 37 triệu xe được bán ra, dẫn đầu trong các dòng xe Volkswagen.

Biểu tượng đã định hình thế giới xe châu Âu, chính thức đến Việt Nam. Hưởng ứng kỷ niệm 50 năm Huyền thoại Golf ra mắt trên toàn cầu, **Volkswagen Việt Nam mang đến bộ sưu tập Golf số lượng giới hạn và chính thức mở đặt cọc cho khách hàng.**

50
years
of Golf





VW Golf 1.5 eTSI – Mild Hybrid

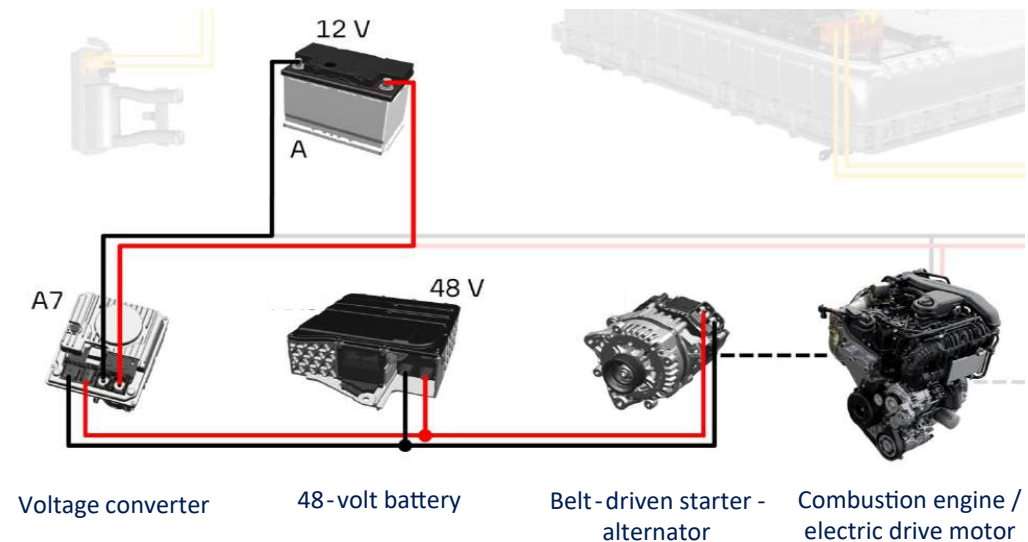
Bản sắc công nghệ động cơ hiệu suất cao lần đầu tiên được trang bị trên xe VW tại Việt Nam.

Mild Hybrid (mHEV): Hệ thống tích hợp một motor điện 48 Volt với động cơ đốt trong eTSI. Motor điện cung cấp năng lượng bổ sung, cải thiện hoạt động và hiệu quả nhiên liệu động cơ eTSI một cách tự động.

Hiệu suất được cải thiện: Tối ưu hóa hiệu suất động cơ, tiết kiệm lên tới 10% nhiên liệu.

Đặc điểm kỹ thuật mang đến công suất tối đa **148 Hp/ 5600-6500 rpm**, Mô men xoắn tối đa **250 Nm/ 2000-5600 rpm**, bao gồm:

- Turbo tăng áp
- Hệ thống quản lý nhiệt
- Van biến thiên thông minh kép (van nạp và xả)
- Hệ thống điều khiển áp suất dầu bôi trơn biến thiên liên tục
- Hệ thống phun nhiên liệu với áp suất phun tối đa 350 bar
- Phun xăng trực tiếp
- Quản lý kích hoạt xi-lanh chủ động (ACT)
- Motor và pin 48V của hệ thống Mild Hybrid





TIỆN NGHI CAO CẤP CỦA 3 PHIÊN BẢN VW GOLF 1.5 eTSI LIFE – STYLE – R-LINE

(trang bị khác nhau tùy phiên bản)



Hệ thống âm thanh **Harman Kardon**



Lọc không khí **Aircare**



Đồng hồ trung tâm **10.3 inch**



Cửa sổ trời



Đèn viền **Ambient Light 30 màu**



HUD (Headup Display)



Màn hình giải trí **10 inch**



Ghế thể thao **R-line**

* Xe thực tế có thể khác một số chi tiết so với hình ảnh

Các phiên bản



Mâm 17 inch - Ventura
VW Golf 1.5 eTSI Life



Mâm 18 inch - Dallas
VW Golf 1.5 eTSI Syle



Mâm 18 inch - Bergamo
VW Golf 1.5 eTSI R-Line



- Đen Grenadilla Ánh kim
- Xám Moonstone
- Trắng Pure



- Đen Grenadilla Ánh kim
- Xám Moonstone
- Trắng Pure



- Đen Grenadilla Ánh kim
- Xám Moonstone
- Trắng Pure

VW Golf 2.0 TSI GTI

Có lịch sử lâu đời được xem là mẫu xe tiên phong trong phân khúc Hot hatch. Từ năm 1976, dòng xe mang kí hiệu “GTI” này đã mang tính biểu tượng của hiệu năng cao và tiện nghi cho cả những chuyến đi dài.



Các thế hệ Golf “GTI” mang đến **sự kết hợp hoàn hảo giữa hiệu năng, phong cách và tính thực dụng** hàng ngày. Đặc biệt nổi bật bởi những **công nghệ hàng đầu của Volkswagen được tiên phong đưa vào phân khúc** của VW Golf.



Hiệu năng ấn tượng được minh chứng bằng động cơ tăng áp công suất **242/5,000 - 6,500** (hp/rpm), mô men xoắn cực đại đạt **370/1,600 – 4,300** (N.m/rpm).

Đặc biệt, Golf 2.0 TSI GTI được trang bị công nghệ **vô lăng biến thiên theo tỉ số truyền (Progressive steering)** là một hệ thống lái được thiết kế để **thay đổi tỉ số truyền giữa vô lăng, góc đánh lái và bánh xe** theo tốc độ.

ĐIỂM NHẤN NGOẠI THẤT ẤN TƯỢNG PHONG CÁCH “GTI”



ĐIỂM NHẤN NỘI THẤT **GOLF GTI**



Vô lăng thể thao GTI đặc trưng



Ghế thể thao viền chỉ đỏ, logo GTI



Cần số điện tử kiểu mới



Bảng đồng hồ trung tâm kiểu GTI



Ambient Light 30 màu



VW Golf 2.0 TSI GTI Lite



Mâm 18 inch - Richmond



● Đen Grenadilla Ánh kim



● Xám Moonstone



○ Trắng Pure

VW Golf 2.0 TSI GTI Performance



Mâm 18 inch - Adelaide



● Đen Grenadilla Ánh kim



● Xám Moonstone



○ Trắng Pure

Đỉnh cao là biểu tượng VW Golf “R” Performance 4Motion

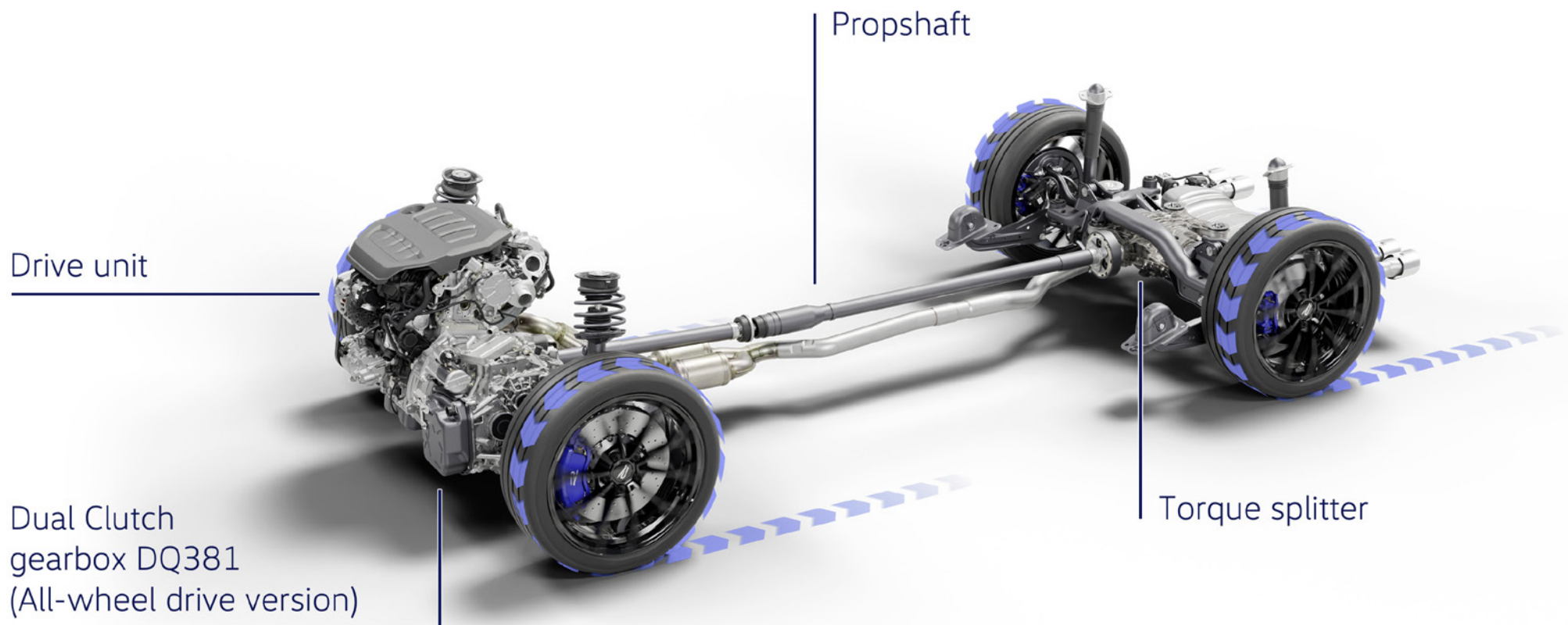
Nằm trong Volkswagen R – Thương hiệu hiệu năng cao cấp, chịu trách nhiệm sáng tạo những chiếc xe thể thao nhất bổ sung cho các dòng sản phẩm. Chữ “R” nằm trong tên gọi đã tượng trưng cho niềm đam mê của Volkswagen với bộ môn thể thao đua xe từ năm 2002 cho đến nay.



VW Golf R Performance 4Motion có hiệu năng vận hành đỉnh cao, bởi việc quản lý động lực học hợp nhất từ: **Hệ dẫn động 4 bánh 4Motion** X **Công nghệ truyền động cao cấp R-Performance Torque Vectoring** X **Động cơ hiệu suất cao** X **Hộp số tự động ly hợp kép DSG** X **Hệ thống điều khiển khung gầm chủ động DCC**.

Thế hệ Golf R tự tin với động cơ hiệu suất cao đến từ cỗ máy 2.0 TSI, công suất **315/ 5,600 – 6,500 (hp/rpm)**, mô men xoắn cực đại **420/ 2,000 – 5,600 (N.m/rpm)**, vận tốc tối đa **250 km/h**.

Công nghệ truyền động cao cấp “4Motion with R- Performance Torque Vectoring”- là bản nâng cấp của 4Motion, dành riêng cho dòng R. Bên cạnh việc truyền mô men tới trước/sau, nó còn chia mô men xoắn linh hoạt giữa bánh sau trái và phải.



PHONG CÁCH NGOẠI THẤT ĐỘC QUYỀN THIẾT KẾ ĐẬM CHẤT XE ĐUA



Đèn pha IQ Light LED Matrix với line xanh đặc trưng nổi liền với logo VW.



Biểu tượng R nổi bật trên lưới tản nhiệt và nhiều vị trí khác



Hệ thống ống xả R với ống xả kép bên trái và phải



Cùm phanh hiệu năng cao màu xanh R-Performance.



Cụm đèn sắc sảo và sinh động
Logo R phía sau



Biểu tượng R nổi bật trên lưới tản nhiệt và nhiều vị trí khác

ĐIỂM NỔI BẬT NỘI THẤT



Vô-lăng thể thao R-Performance với nút R có đèn nền màu xanh và lẫy chuyển số lớn.



Đồng hồ trung tâm kiểu R-View đặc trưng



Ghế kiểu thể thao tích hợp tựa đầu và logo R



Bàn đạp và chỗ gác chân bằng thép không gỉ



Viền trang trí màu xanh đặc trưng R trong nội thất

VW Golf R Performance 4Motion



 Xanh Lapis Ánh kim



Mâm 19 inch - Estoril



 Đen Grenadilla Ánh kim



 Trắng Pure

Thông số kỹ thuật

		VND		VND		VND		VND		VND			
THÔNG SỐ KỸ THUẬT & TRANG THIẾT BỊ SPECIFICATIONS & EQUIPMENTS		1.5 eTSI Life		1.5 eTSI Style		1.5 eTSI R-Line		2.0 TSI GTI Lite		2.0 TSI GTI Performance		2.0 TSI R	
1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT SPECIFICATIONS													
ĐỘNG CƠ ENGINE													
Loại động cơ Type			1.5L TSI Mild hybrid					2.0L TSI					
Hộp số Transmission			Hộp số ly hợp kép DSG 7 cấp 7-speed transmission DSG		Hộp số ly hợp kép DSG 7 cấp 7-speed transmission DSG		Hộp số ly hợp kép DSG 7 cấp 7-speed transmission DSG		Hộp số ly hợp kép DSG 7 cấp 7 speed transmission DSG		Hộp số ly hợp kép DSG 7 cấp 7 speed transmission DSG		
Dung tích xylanh Displacement		cc	1,498		1,498		1,498		1,984		1,984		
Công suất cực đại Max. Output		hp/rpm	148 / 5,000 - 6,000 (110kW)		148 / 5,000 - 6,000 (110kW)		148 / 5,000 - 6,000 (110kW)		242 / 5,000 - 6,500 (180kW)		242 / 5,000 - 6,500 (180kW)		
Mômen xoắn cực đại Max. Torque		N.m/rpm	250 / 1,500 - 3,500		250 / 1,500 - 3,500		250 / 1,500 - 3,500		370 / 1,600 - 4,300		370 / 1,600 - 4,300		
Tốc độ tối đa Top Speed		km/h	224		224		224		250		250		
Tăng tốc từ 0-100 km/h Acceleration 0-100km/h		s	8.5		8.5		8.5		6.3		6.3		
Dung tích thùng nhiên liệu Fuel Tank Capacity		L	50		50		50		50		56		
Ngắt động cơ tạm thời và phanh tái tạo năng lượng Start- Stop system with generative braking			●		●		●		●		●		
Tiêu chuẩn khí thải Emission level			EURO 6		EURO 6		EURO 6		EURO 6		EURO 6		
KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG DIMENSION & WEIGHT													
Số chỗ ngồi Seating Capacity		Người Person	5		5		5		5		5		
Kích thước tổng thể Overall Dimension (LxWxH)		mm	4,286 x 1,789 x 1491		4,286 x 1,789 x 1491		4,286 x 1,789 x 1491		4,287 x 1,789 x 1,478		4,290 x 1,789 x 1,458		
Khoảng cách hai cầu xe Wheelbase		mm	2,619		2,619		2,619		2,627		2,628		
Khoảng cách hai bánh xe trước/sau Front/Rear Track		mm	1,549 / 1,519		1,549 / 1,519		1,549 / 1,519		1,545 / 1,523		1,541 / 1,516		
Bán kính quay vòng nhỏ nhất Min. Turning Radius		m	5.45		5.45		5.45		5.45		5.45		

Mâm đúc hợp kim Alloy Wheels		17" - Kiểu "Ventura" 17" - "Ventura"	18" - Kiểu "Dallas" 18" - "Dallas"	18"- Kiểu "Bergamo" màu đen, phay xước 18"- "Bergamo", Black, diamond-turned surface	18"- Kiểu "Richmond" 18"- "Richmond"	19"- Kiểu "Adelaide" màu đen, phay xước 19" - "Adelaide", Black, diamond-turned surface	19" - Kiểu "Estoril", màu đen, phay xước 19" - "Estoril", Black, diamond-turned surface
Lốp xe trước/sau Front/Rear Tires		225/45 R17	225/40 R18	225/40 R18	225/40 R18	235/35 R19	235/35 R19
Dung tích khoang hành lý Luggage Compartment	L	380 - 1237 (khi gập hàng ghế sau) 381 - 1270 (with rear seat backrest fold down)	380 - 1237 (khi gập hàng ghế sau) 381 - 1270 (with rear seat backrest fold down)	380 - 1237 (khi gập hàng ghế sau) 381 - 1270 (with rear seat backrest fold down)	380 - 1237 (khi gập hàng ghế sau) 381 - 1270 (with rear seat backrest fold down)	380 - 1237 (khi gập hàng ghế sau) 381 - 1270 (with rear seat backrest fold down)	380 - 1237 (khi gập hàng ghế sau) 381 - 1270 (with rear seat backrest fold down)
Trọng lượng không tải Kerb mass	Kg	1,351	1,351	1,351	1,451	1,451	1,544
TRUYỀN ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TREO DRIVE LINE & SUSPENSION							
Truyền động Drivetrain System		Dẫn động cầu trước Front wheel drive	Dẫn động cầu trước Front wheel drive	Dẫn động cầu trước Front wheel drive	Dẫn động cầu trước Front wheel drive	Dẫn động cầu trước Front wheel drive	Dẫn động bốn bánh 4MOTION 4MOTION All-Wheel Drive
Khóa vi sai Differential lock		Khóa vi sai điện tử XDS Electronic differential lock XDS	Khóa vi sai điện tử XDS Electronic differential lock XDS	Khóa vi sai điện tử XDS Electronic differential lock XDS	Khóa vi sai cầu trước Front differential lock	Khóa vi sai cầu trước Front differential lock	Khóa vi sai điện tử XDS Electronic differential lock XDS
Điều khiển véc-tơ mô men xoắn vi sai cầu sau Torque vectoring in rear axle differential		-	-	-	-	-	●
Hệ thống treo trước Front Suspension		Hệ thống treo độc lập 4 điểm, có thanh cân bằng Independent four-link suspension with stabilizer bar	Hệ thống treo độc lập 4 điểm, có thanh cân bằng Independent four-link suspension with stabilizer bar	Hệ thống treo độc lập 4 điểm, có thanh cân bằng Independent four-link suspension with stabilizer bar	Hệ thống treo độc lập 4 điểm, có thanh cân bằng Independent four-link suspension with stabilizer bar	Hệ thống treo độc lập 4 điểm, có thanh cân bằng Independent four-link suspension with stabilizer bar	Hệ thống treo độc lập 4 điểm, có thanh cân bằng Independent four-link suspension with stabilizer bar
Hệ thống treo sau Rear Suspension							
Hệ thống treo thể thao trước / sau Front / Rear Sports Suspension		-	-	●	●	●	●
Phanh trước/sau Front/Rear Brake		Đĩa/Đĩa Discs/Discs	Đĩa/Đĩa Discs/Discs	Đĩa/Đĩa Discs/Discs	Đĩa/Đĩa Discs/Discs	Đĩa/Đĩa Discs/Discs	Đĩa/Đĩa Discs/Discs
Hệ thống phanh hiệu suất cao High performance Brakes		-	-	-	Cùm phanh GTI sơn đỏ GTI Red brake calipers	Cùm phanh GTI sơn đỏ GTI Red brake calipers	Cùm phanh R sơn xanh R Blue brake calipers
Hệ thống phuộc điện tử Dynamic chassis control		-	-	-	-	-	●
Tùy chọn chế độ lái Driving mode selection		-	-	●	●	●	●
Hệ thống lái Steering system		Trợ lực điện, thay đổi theo tốc độ Speed-sensitive power steering	Trợ lực điện, thay đổi theo tốc độ Speed-sensitive power steering	Trợ lực điện, thay đổi theo góc lái Progressive power steering	Trợ lực điện, thay đổi theo góc lái Progressive power steering	Trợ lực điện, thay đổi theo góc lái Progressive power steering	Trợ lực điện, thay đổi theo góc lái Progressive power steering
2. TRANG THIẾT BỊ EQUIPMENTS							
NGOẠI THẤT EXTERIOR							
Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước HeadLamps		Đèn LED Plus LED Plus headlight	Đèn LED Plus LED Plus headlight	Cụm đèn IQ.Light - Matrix IQ. Light - Matrix headlamps	Cụm đèn IQ.Light - Matrix IQ. Light - Matrix headlamps	Cụm đèn IQ.Light - Matrix IQ. Light - Matrix headlamps	Cụm đèn IQ.Light - Matrix IQ. Light - Matrix headlamps
Cảm biến đèn pha tự động bật tắt Automotic headlight control		●	●	●	●	●	●
Đèn pha điều chỉnh được độ cao Head Lamps Leveling Device / Dynamic headlight ranges control		Tự động Auto	Tự động Auto	Tự động Auto	Tự động Auto	Tự động Auto	Tự động Auto
Đèn LED chiếu sáng ban ngày LED Daytime Running Light		●	●	●	●	●	●
Đèn LED định vị ban ngày LED Positioning Light		-	●	●	●	●	●
Chức năng đèn hỗ trợ thời tiết xấu, tích hợp đèn vào cua All weather light, with cornering light		●	●	●	●	●	●

Hỗ trợ kiểm soát đèn pha tự động Dynamic Light Assist	-	-	●	●	●	●
Đèn hỗ trợ mở rộng góc chiếu Static Cornering Light	●	●	-	-	-	-
Chức năng mở rộng góc chiếu khi vào cua chủ động Dynamic Cornering Light	-	-	●	●	●	●
Đèn chào mừng Entry lighting	●	●	●	●	●	●
Đèn chờ dẫn đường Exit lighting	●	●	●	●	●	●
Cụm đèn phía sau Rear combination lamp	Cụm đèn phía sau LED tích hợp xi nhan hiệu ứng dynamic LED rear combination lamps with dynamic turn signal	Cụm đèn phía sau LED tích hợp xi nhan hiệu ứng dynamic LED rear combination lamps with dynamic turn signal	Cụm đèn phía sau LED tích hợp xi nhan hiệu ứng dynamic LED rear combination lamps with dynamic turn signal	Cụm đèn phía sau LED tích hợp xi nhan hiệu ứng dynamic LED rear combination lamps with dynamic turn signal	Cụm đèn phía sau LED tích hợp xi nhan hiệu ứng dynamic LED rear combination lamps with dynamic turn signal	Cụm đèn phía sau LED tích hợp xi nhan hiệu ứng dynamic LED rear combination lamps with dynamic turn signal
Đèn sương mù sau Rear Fog Lamp	●	●	●	●	●	●
Dải đèn LED mũi xe trước LED molding between headlamps	-	●	●	●	●	●
Cảm biến gạt mưa tự động Auto Rain-sensing	●	●	●	●	●	●
Gương chiếu hậu Door Mirrors	Chỉnh điện / gấp điện, chức năng sưởi, nhớ vị trí, chống chói, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe Power door mirror with folding, heating, and memory features, front passenger with mirror lowering function	Chỉnh điện / gấp điện, chức năng sưởi, nhớ vị trí, chống chói, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe Power door mirror with folding, heating, and memory features, front passenger with mirror lowering function	Chỉnh điện / gấp điện, chức năng sưởi, nhớ vị trí, chống chói, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe Power door mirror with folding, heating, and memory features, front passenger with mirror lowering function	Chỉnh điện / gấp điện, chức năng sưởi, nhớ vị trí, chống chói, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe Power door mirror with folding, heating, and memory features, front passenger with mirror lowering function	Chỉnh điện / gấp điện, chức năng sưởi, nhớ vị trí, chống chói, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe Power door mirror with folding, heating, and memory features, front passenger with mirror lowering function	Chỉnh điện / gấp điện, chức năng sưởi, nhớ vị trí, chống chói, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe Power door mirror with folding, heating, and memory features, front passenger with mirror lowering function
Ốp gương chiếu hậu Door mirrors housings	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Màu đen Black-colored
Tay nắm cửa ngoài Outer Door Handle	Cùng màu sơn thân xe, có đèn LED ẩn sau tay nắm Body-colored, Illuminated door hanndle recess	Cùng màu sơn thân xe, có đèn LED ẩn sau tay nắm Body-colored, Illuminated door hanndle recess	Cùng màu sơn thân xe, có đèn LED ẩn sau tay nắm Body-colored, Illuminated door hanndle recess	Cùng màu sơn thân xe, có đèn LED ẩn sau tay nắm Body-colored, Illuminated door hanndle recess	Cùng màu sơn thân xe, có đèn LED ẩn sau tay nắm Body-colored, Illuminated door hanndle recess	Chất nhiệt nhôm, có đèn LED ẩn sau tay nắm Aluminium, Illuminated door handle recess
Cản trước Front bumper	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe, kiểu R-Line Body-colored, R-Line styling	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Cùng màu sơn thân xe Body-colored	Kiểu R R styling
Kính chắn gió Windshield	Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, cách nhiệt, cách âm Lamianted safety glass windshield, heat and sound isolating	Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, cách nhiệt, cách âm Lamianted safety glass windshield, heat and sound isolating	Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, cách nhiệt, cách âm Lamianted safety glass windshield, heat and sound isolating	Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, cách nhiệt, cách âm Lamianted safety glass windshield, heat and sound isolating	Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, cách nhiệt, cách âm Lamianted safety glass windshield, heat and sound isolating	Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, cách nhiệt, cách âm Lamianted safety glass windshield, heat and sound isolating
Kính ở hàng ghế trước Front side windows	Kính cách nhiệt Heat isolating glass	Kính cách nhiệt Heat isolating glass	Kính cách nhiệt Heat isolating glass	Kính cách nhiệt Heat isolating glass	Kính cách nhiệt Heat isolating glass	Kính cách nhiệt Heat isolating glass
Kính ở hàng ghế sau Rear side windows						

Ký hiệu phiên bản ở Lưới tản nhiệt, 2 bên cửa trước, Nameplate set at Front grill, Side windows in front,	-	-	"R"	"GTI"	"GTI"	"R"
Ký hiệu phiên bản ở đuôi xe Nameplate set at rear	-	-	-	"GTI"	"GTI"	"R"
Màu ngoại thất Exterior Color	Grenadilla Black Metallic	Grenadilla Black Metallic	Grenadilla Black Metallic	Grenadilla Black Metallic	Grenadilla Black Metallic	Grenadilla Black Metallic
	Pure White	Pure White	Pure White	Pure White	Pure White	Pure White
	Moonstone Gray	Moonstone Gray	Moonstone Gray	Moonstone Gray	Moonstone Gray	Lapiz Blue Metallic
				Kings Red Metallic	Kings Red Metallic	
NỘI THẤT INTERIOR						
KHÔNG GIAN INTERIOR SPACE						
Cụm đồng hồ kỹ thuật số Instrument cluster screen	Màn hình kỹ thuật số đa màu Digital Cockpit Pro 10.25" 10.25" Multi-color Digital Cockpit Pro	Màn hình kỹ thuật số đa màu Digital Cockpit Pro 10.25" 10.25" Multi-color Digital Cockpit Pro	Màn hình kỹ thuật số đa màu Digital Cockpit Pro 10.25" 10.25" Multi-color Digital Cockpit Pro	Màn hình kỹ thuật số đa màu Digital Cockpit Pro 10.25" 10.25" Multi-color Digital Cockpit Pro	Màn hình kỹ thuật số đa màu Digital Cockpit Pro 10.25" 10.25" Multi-color Digital Cockpit Pro	Màn hình kỹ thuật số đa màu Digital Cockpit Pro 10.25" 10.25" Multi-color Digital Cockpit Pro
Màn hình hiển thị trên kính lái Head up display	●	●	●	●	●	●
Trần xe Headliner	Màu xám	Màu đen	Màu đen	Màu đen	Màu đen	Màu đen
Hàng ghế thứ 2 Second row Seat	Hàng ghế sau liền, ngả lưng ghế theo tỷ lệ, có bệ tỷ tay trung tâm. Unsplit rear bench seat, asymmetric split folding backrest, with center armrest	Hàng ghế sau liền, ngả lưng ghế theo tỷ lệ, có bệ tỷ tay trung tâm. Unsplit rear bench seat, asymmetric split folding backrest, with center armrest	Hàng ghế sau liền, ngả lưng ghế theo tỷ lệ, có bệ tỷ tay trung tâm. Unsplit rear bench seat, asymmetric split folding backrest, with center armrest	Hàng ghế sau liền, ngả lưng ghế theo tỷ lệ, có bệ tỷ tay trung tâm. Unsplit rear bench seat, asymmetric split folding backrest, with center armrest	Hàng ghế sau liền, ngả lưng ghế theo tỷ lệ, có bệ tỷ tay trung tâm. Unsplit rear bench seat, asymmetric split folding backrest, with center armrest	Hàng ghế sau liền, ngả lưng ghế theo tỷ lệ, có bệ tỷ tay trung tâm. Unsplit rear bench seat, asymmetric split folding backrest, with center armrest
Vô lăng Steering Wheel	Vô lăng bọc da đa chức năng Leather-wrapped multi-function steering wheel	Vô lăng bọc da đa chức năng Leather-wrapped multi-function steering wheel	Vô lăng bọc da thể thao đa chức năng, có bảng điều khiển cảm ứng Leather-wrapped sports multi-function, touch control	Vô lăng bọc da thể thao đa chức năng, có bảng điều khiển cảm ứng Leather-wrapped sports multi-function, touch control	Vô lăng bọc da thể thao đa chức năng, sưởi vô lăng, có bảng điều khiển cảm ứng Leather-wrapped sports multi-function, heated, touch control	Vô lăng bọc da thể thao đa chức năng, sưởi vô lăng, có bảng điều khiển cảm ứng Leather-wrapped sports multi-function, heated, touch control
Lấy sang số trên vô lăng Tiptronic shifting paddel on streering wheel	●	●	●	●	●	●
Vô lăng điều chỉnh 4 hướng, điều chỉnh cơ Tilt Adjustment & Telescopic Column Steering, Manual adjust	●	●	●	●	●	●
Nút điều khiển âm thanh trên vô lăng Audio Switch on Steering Wheel	●	●	●	●	●	●
Đàm thoại rảnh tay trên vô lăng Steering hands free phone switch	●	●	●	●	●	●
Tựa tay trung tâm hàng ghế trước, điều chỉnh 4 hướng Armrest Center in front seat, 4-way adjustable	●	●	●	●	●	●

Tựa tay trung tâm hàng ghế sau Armrest Center in rear seat	●	●	●	●	●	●
Đèn khu vực để chân người lái, có thể lựa chọn màu Illuminated driver footwell, selectable color	-	●	●	●	●	●
Trang trí mặt táp-lô và ốp cửa xe hàng trước Decorative dashboard and door panels in front	Ốp trang trí xước chéo Inserts "Natural Cross Brushed"	Ốp trang trí kim loại tối màu xước mờ Inserts "New Brushed Dark Metal"	Ốp trang trí Carbon xám Inserts "Carbon gray"	Ốp trang trí Chrome đen ánh kim Inserts "Black Metal Chrome"	Ốp trang trí Chrome đen ánh kim Inserts "Black Metal Chrome"	Ốp trang trí bằng Carbon, có logo "R" Inserts in Carbon, "R" logo
TRANG BỊ TIỆN NGHI COMFORT & CONVINIENT						
CÁC TIỆN NGHI CONVINIENTS						
Phanh tay điện và giữ phanh tự động Electric Parking Brake & Auto Hold	●	●	●	●	●	●
Mở khóa không chìa Keyless Entry	●	●	●	●	●	●
Khóa cửa không chìa Keyless Lock	●	●	●	●	●	●
Điều hòa nhiệt độ Air Conditioner	Air Care tự động 3 vùng, với bộ lọc không khí cải tiến có giảm chất gây dị ứng Air Care Climatronic 3 zone automatic climate control with allergen filter, enhanced air filter	Air Care tự động 3 vùng, với bộ lọc không khí cải tiến có giảm chất gây dị ứng Air Care Climatronic 3 zone automatic climate control with allergen filter, enhanced air filter	Air Care tự động 3 vùng, với bộ lọc không khí cải tiến có giảm chất gây dị ứng Air Care Climatronic 3 zone automatic climate control with allergen filter, enhanced air filter	Air Care tự động 3 vùng, với bộ lọc không khí cải tiến có giảm chất gây dị ứng Air Care Climatronic 3 zone automatic climate control with allergen filter, enhanced air filter	Air Care tự động 3 vùng, với bộ lọc không khí cải tiến có giảm chất gây dị ứng Air Care Climatronic 3 zone automatic climate control with allergen filter, enhanced air filter	Air Care tự động 3 vùng, với bộ lọc không khí cải tiến có giảm chất gây dị ứng Air Care Climatronic 3 zone automatic climate control with allergen filter, enhanced air filter
Cửa gió ở hàng ghế thứ 2 Ventilation system for 2nd row seat	●	●	●	●	●	●
Gương chiếu hậu chống chói tự động bên trong Auto-dimming Inner Rear View Mirror	●	●	●	●	●	●
Đèn viền trang trí nội thất Ambient Light	10 màu 10 colors	30 màu 30 colors	30 màu 30 colors	30 màu 30 colors	30 màu 30 colors	30 màu 30 colors
Đèn LED đọc sách / Đèn nội thất hàng trước và sau Front and rear LED reading light / interior lights	●	●	●	●	●	●
Đèn hộc để đồ hàng trước Illuminated front center console storage compartment	-	-	-	●	●	●
Tấm che khoang hành lý Luggage compartment cover, electrically opening	●	●	●	●	●	●
Tấm che nắng ở hàng ghế trước Sun visors in front seats	Tấm che nắng có gương và đèn Sun visors with mirror, illuminated	Tấm che nắng có gương và đèn Sun visors with mirror, illuminated	Tấm che nắng có gương và đèn Sun visors with mirror, illuminated	Tấm che nắng có gương và đèn Sun visors with mirror, illuminated	Tấm che nắng có gương và đèn Sun visors with mirror, illuminated	Tấm che nắng có gương và đèn Sun visors with mirror, illuminated
KẾT NỐI VÀ GIẢI TRÍ CONNECT & ENTERTAINMENT						
Màn hình giải trí kỹ thuật số trung tâm Digital infotainment screen	Hệ thống giải trí Radio Composition với màn hình cảm ứng 8.25" (MIB 3); kết nối USB-C, Bluetooth Radio Composition 8.25-inch Multimedia Mirror Touch Panel (MIB 3); USB-C, Bluetooth connection	Màn hình cảm ứng trung tâm Discover Pro 10" (MIB 3); kết nối USB-C, Bluetooth Discover Pro 10-inch Multimedia Mirror Touch Panel (MIB 3); USB-C, Bluetooth connection	Màn hình cảm ứng trung tâm Discover Pro 10" (MIB 3); kết nối USB-C, Bluetooth Discover Pro 10-inch Multimedia Mirror Touch Panel (MIB 3); USB-C, Bluetooth connection	Màn hình cảm ứng trung tâm Discover Pro 10" (MIB 3); kết nối USB-C, Bluetooth Discover Pro 10-inch Multimedia Mirror Touch Panel (MIB 3); USB-C, Bluetooth connection	Màn hình cảm ứng trung tâm Discover Pro 10" (MIB 3); kết nối USB-C, Bluetooth Discover Pro 10-inch Multimedia Mirror Touch Panel (MIB 3); USB-C, Bluetooth connection	Màn hình cảm ứng trung tâm Discover Pro 10" (MIB 3); kết nối USB-C, Bluetooth Discover Pro 10-inch Multimedia Mirror Touch Panel (MIB 3); USB-C, Bluetooth connection
Thanh trượt cảm ứng Touch slider	-	●	●	●	●	●
Kết nối giải trí App connect	Kết nối có dây Apple Carplay, Android auto Wired App-Connect for Apple Carplay, Android Auto	Kết nối có dây / không dây Apple Carplay, Android auto Wired / Wireless App-Connect for Apple Carplay, Android Auto	Kết nối có dây / không dây Apple Carplay, Android auto Wired / Wireless App-Connect for Apple Carplay, Android Auto	Kết nối có dây / không dây Apple Carplay, Android auto Wired / Wireless App-Connect for Apple Carplay, Android Auto	Kết nối có dây / không dây Apple Carplay, Android auto Wired / Wireless App-Connect for Apple Carplay, Android Auto	Kết nối có dây / không dây Apple Carplay, Android auto Wired / Wireless App-Connect for Apple Carplay, Android Auto
Điều khiển bằng giọng nói Voice control	-	●	●	●	●	●

Điều khiển bằng cử chỉ Gesture control	-	●	●	●	●	●
Số lượng loa Speakers	6 loa 6 speakers	"Harmon Kardon", 9 loa, 480W "Harman Kardon", 9 speakers, 480W	"Harmon Kardon", 9 loa, 480W "Harman Kardon", 9 speakers, 480W	"Harmon Kardon", 9 loa, 480W "Harman Kardon", 9 speakers, 480W	"Harmon Kardon", 9 loa, 480W "Harman Kardon", 9 speakers, 480W	"Harmon Kardon", 9 loa, 480W "Harman Kardon", 9 speakers, 480W
Cổng sạc Charging ports	2 Cổng USB-C (45W) và sạc không dây (15W) phía trước, 2 Cổng sạc USB-C (45W) phía sau 2 USB-C ports (45W) and wireless charging pad (15W) in front, 2 USB - C charging ports (45W) in rear center console	2 Cổng USB-C (45W) và sạc không dây (15W) phía trước, 2 Cổng sạc USB-C (45W) phía sau 2 USB-C ports (45W) and wireless charging pad (15W) in front, 2 USB - C charging ports (45W) in rear center console	2 Cổng USB-C (45W) và sạc không dây (15W) phía trước, 2 Cổng sạc USB-C (45W) phía sau 2 USB-C ports (45W) and wireless charging pad (15W) in front, 2 USB - C charging ports (45W) in rear center console	2 Cổng USB-C (45W) và sạc không dây (15W) phía trước, 2 Cổng sạc USB-C (45W) phía sau 2 USB-C ports (45W) and wireless charging pad (15W) in front, 2 USB - C charging ports (45W) in rear center console	2 Cổng USB-C (45W) và sạc không dây (15W) phía trước, 2 Cổng sạc USB-C (45W) phía sau 2 USB-C ports (45W) and wireless charging pad (15W) in front, 2 USB - C charging ports (45W) in rear center console	2 Cổng USB-C (45W) và sạc không dây (15W) phía trước, 2 Cổng sạc USB-C (45W) phía sau 2 USB-C ports (45W) and wireless charging pad (15W) in front, 2 USB - C charging ports (45W) in rear center console
Hệ thống định vị Navigation system	-	●	●	●	●	●
AN TOÀN & HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI SAFETY & DRIVER ASSISTANCE						
Phanh tự động khẩn cấp Autonomous Emergency Braking (AEB)	●	●	●	●	●	●
Pedestrian monitoring Phát hiện người đi bộ	●	●	●	●	●	●
Hệ thống kiểm soát hành trình thích ứng tích hợp tự động dừng và khởi động, giới hạn tốc độ Adaptive Cruise Control with Stop and go, include Speed limiter	●	●	●	●	●	●
Cảnh báo điểm mù Blind Spot Detection	●	●	●	●	●	●
Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau Rear Traffic Alert	-	●	●	●	●	●
Cảnh báo mở cửa an toàn Exit Warning	-	●	●	●	●	●
Hỗ trợ chuyển làn Lane Change Assist	●	●	●	●	●	●
Hỗ trợ giữ làn đường Lane Keeping Assist	●	●	●	●	●	●
Hỗ trợ đỗ xe Park Assist	●	●	●	●	●	●
Cảm biến tránh va chạm đỗ xe phía trước/sau Front/Rear Parking Distance Sensor	●	●	●	●	●	●
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) Anti-lock Braking System	●	●	●	●	●	●
Tự động ngắt-khởi động tạm thời khi dừng, phanh tái sinh Start-stop system with regenerative braking	●	●	●	●	●	●
Hệ thống cảnh báo và can thiệp tiên va chạm Proactive passenger protection / Pre-collision system	-	-	-	●	●	●
Cảnh báo tập trung cho người lái Driver alert system	●	●	●	●	●	●
Hệ thống Phanh chống bó cứng (ABS) Anti-lock Braking System	●	●	●	●	●	●
Hệ thống trợ lực phanh khẩn cấp (BA) Brake Assist	●	●	●	●	●	●
Hệ thống phanh sau va chạm Secondary Collision Brake	●	●	●	●	●	●
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) Electronic Brake-force Distribution	●	●	●	●	●	●
Hệ thống Cân bằng điện tử (ESC) Electronic Stability Control	●	●	●	●	●	●

Hệ thống kiểm soát độ bám đường (TCS) Traction control system	●	●	●	●	●	●
Hạn chế trượt vì sai điện từ (EDL) Electricolric Differential-slip Limited	●	●	●	●	●	●
Cảm biến áp suất lốp (TPMS) Tire Pressure Measure System	●	●	●	●	●	●
Camera lùi Rear view camera	●	●	●	●	●	●
Khóa cửa tự động khi xe chạy Speed sensing door locking	●	●	●	●	●	●
Bị ĐỘNG PASSIVE						
Túi khí an toàn Safety Air-bag	7 túi khí, bao gồm túi khí người lái và hành khách phía trước (2), túi khí hông cho hàng ghế phía trước (2), túi khí rèm cho cả hai hàng ghế(2), túi khí trung tâm (1) 7 airbags, driver and front passenger airbags (2), side airbags for front row seats(2), curtain airbags for front and rear (2), center airbag (1)	7 túi khí, bao gồm túi khí người lái và hành khách phía trước (2), túi khí hông cho hàng ghế phía trước (2), túi khí rèm cho cả hai hàng ghế(2), túi khí trung tâm (1) 7 airbags, driver and front passenger airbags (2), side airbags for front row seats(2), curtain airbags for front and rear (2), center airbag (1)	7 túi khí, bao gồm túi khí người lái và hành khách phía trước (2), túi khí hông cho hàng ghế phía trước (2), túi khí rèm cho cả hai hàng ghế(2), túi khí trung tâm (1) 7 airbags, driver and front passenger airbags (2), side airbags for front row seats(2), curtain airbags for front and rear (2), center airbag (1)	7 túi khí, bao gồm túi khí người lái và hành khách phía trước (2), túi khí hông cho hàng ghế phía trước (2), túi khí rèm cho cả hai hàng ghế(2), túi khí trung tâm (1) 7 airbags, driver and front passenger airbags (2), side airbags for front row seats(2), curtain airbags for front and rear (2), center airbag (1)	7 túi khí, bao gồm túi khí người lái và hành khách phía trước (2), túi khí hông cho hàng ghế phía trước (2), túi khí rèm cho cả hai hàng ghế(2), túi khí trung tâm (1) 7 airbags, driver and front passenger airbags (2), side airbags for front row seats(2), curtain airbags for front and rear (2), center airbag (1)	7 túi khí, bao gồm túi khí người lái và hành khách phía trước (2), túi khí hông cho hàng ghế phía trước (2), túi khí rèm cho cả hai hàng ghế(2), túi khí trung tâm (1) 7 airbags, driver and front passenger airbags (2), side airbags for front row seats(2), curtain airbags for front and rear (2), center airbag (1)
Móc cố định ghế trẻ em, hàng ghế sau Child seat anchors ISOFIX, rear seats	●	●	●	●	●	●
Dây đai an toàn Seatbelt	Dây đai 3 điểm,căng đai tự động cả hai hàng ghế, điều chỉnh độ cao ở hàng ghế trước, cảnh báo hàng trước 3 points, Front & Rear seat; Tensioners, with height adjustment in front seats	Dây đai 3 điểm,căng đai tự động cả hai hàng ghế, điều chỉnh độ cao ở hàng ghế trước, cảnh báo hàng trước 3 points, Front & Rear seat; Tensioners, with height adjustment in front seats	Dây đai 3 điểm,căng đai tự động cả hai hàng ghế, điều chỉnh độ cao ở hàng ghế trước, cảnh báo hàng trước 3 points, Front & Rear seat; Tensioners, with height adjustment in front seats	Dây đai 3 điểm,căng đai tự động cả hai hàng ghế, điều chỉnh độ cao ở hàng ghế trước, cảnh báo hàng trước 3 points, Front & Rear seat; Tensioners, with height adjustment in front seats	Dây đai 3 điểm,căng đai tự động cả hai hàng ghế, điều chỉnh độ cao ở hàng ghế trước, cảnh báo hàng trước 3 points, Front & Rear seat; Tensioners, with height adjustment in front seats	Dây đai 3 điểm,căng đai tự động cả hai hàng ghế, điều chỉnh độ cao ở hàng ghế trước, cảnh báo hàng trước 3 points, Front & Rear seat; Tensioners, with height adjustment in front seats
Dụng cụ thay lốp Tool kit	●	●	●	●	●	●
Bộ vá lốp khẩn cấp Tire mobility set	●	●	●	●	●	●
Biển báo tam giác Warning triangle	●	●	●	●	●	●
AN NINH SECURITIES						
Chức năng chống trộm Anti-theif alarm System	-	-	-	-	-	●
Chìa khóa mã hóa chống trộm Immobilizer	●	●	●	●	●	●



Volkswagen **Golf**



Pre-Booking

** Hình ảnh sử dụng mang tính chất minh họa, có thể thay đổi mà không cần báo trước.*